

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUỶ NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2018/DS-ST
Ngày 28-6-2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Thúy Mở

Ông Ngô Minh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:

Ông Đào Quang Liêm - Kiểm sát viên

Ông Phạm Hoàng Chính - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2018/TLST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2018 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2018/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2018/QĐST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty A; địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà R, số 9 Đ, Phường 12, Quận 4, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Ngô Văn P, sinh năm 1981; địa chỉ: Số 16A/119 Trung Hành, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng (Giấy ủy quyền nộp đơn khởi kiện và tham gia tố tụng số 3012/UQTT-QTRR.17 ngày 30 tháng 11 năm 2017); có mặt.

- Bị đơn: Anh Vũ Văn B, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ dân phố Q, thị trấn M, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 30 tháng 11 năm 2017 của nguyên đơn là Công ty A, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 16 tháng 01 năm 2016 anh Vũ Văn B, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ dân phố Q, thị trấn M, huyện T, thành phố Hải Phòng có ký đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy đăng ký kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản với Công ty A để vay tiền, mục đích sử dụng tiền vay là tiêu dùng, phương thức cho vay là cho vay trả góp, thời hạn vay là 36 tháng. Ngày 21 tháng 01 năm 2016 Công ty A đã đồng ý phê duyệt cho anh Vũ Văn B vay số tiền 25.000.000 đồng theo giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20160119-500000-4302, khoản vay không có tài sản bảo đảm, thời hạn cho vay là 36 tháng, lãi suất cho vay là 35%/năm, phương thức cho vay là cho vay trả góp, mỗi tháng anh Vũ Văn B phải trả cho Công ty A số là 1.131.000 đồng bao gồm tiền nợ gốc và tiền nợ lãi vào ngày 01 hàng tháng, tháng cuối cùng anh Vũ Văn B phải trả số tiền là 1.790.000 đồng theo bảng lịch trình trả nợ kèm theo giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng. Công ty A đã giải ngân đủ số tiền vay 25.000.000 đồng cho anh Vũ Văn B theo hình thức ghi nợ có vào tài khoản của anh Vũ Văn B mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng. Trong quá trình vay anh Vũ Văn B mới trả cho Công ty A số tiền là 4.524.000 đồng bao gồm tiền nợ gốc là 1.414.080 đồng và tiền nợ lãi là 3.109.920 đồng. Từ ngày 01 tháng 7 năm 2016 anh Vũ Văn B không trả cho Công ty A khoản tiền nợ gốc và tiền nợ lãi nào. Tính đến ngày 01 tháng 11 năm 2017 anh Vũ Văn B còn nợ Công ty A số tiền là 33.238.496 đồng bao gồm số tiền nợ gốc là 23.585.920 đồng và số tiền nợ lãi trong hạn là 9.652.576 đồng. Nay Công ty A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Vũ Văn B phải trả cho Công ty A số tiền còn nợ là 33.238.496 đồng bao gồm số tiền nợ gốc là 23.585.920 đồng, số tiền lãi trong hạn là 9.652.576 đồng và tiền lãi của số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận trong giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kể từ sau ngày Tòa án xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Công ty A không yêu cầu anh Vũ Văn B phải trả khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 02 tháng 11 năm 2017 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm, không yêu cầu anh Vũ Văn B phải trả khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán và không yêu cầu vợ anh Vũ Văn B là chị Dương Thị T, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ dân phố Q, thị trấn M, huyện T, thành phố Hải Phòng phải liên đới trả số tiền nợ trên mà chỉ yêu cầu anh Vũ Văn B phải trả số tiền nợ trên cho Công ty A.

Bị đơn là anh Vũ Văn B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai nhưng anh Vũ Văn B vẫn vắng mặt không có lý do vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã triệu tập họp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng anh Vũ Văn B vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty A.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn là anh Vũ Văn B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, triệu tập họp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng anh Vũ Văn B vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty A. Kiểm sát viên đề nghị Tòa án căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 116, 117, 119, 274, 280, 463, 466 và 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty A, buộc anh Vũ Văn B phải trả cho Công ty A số tiền nợ là 33.238.496 đồng bao gồm số tiền nợ gốc là 23.585.920 đồng, số tiền nợ lãi trong hạn là 9.652.576 đồng và tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận trong Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kể từ sau ngày Tòa án xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc; anh Vũ Văn B phải chịu 1.661.924 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Vũ Văn B có nơi cư trú tại tổ dân phố Q, thị trấn M, huyện T, thành phố Hải Phòng. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để anh Vũ Văn B có mặt tại Tòa án trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty A nhưng

anh Vũ Văn B vắng mặt không có lý do. Tài liệu xác minh thể hiện anh Vũ Văn B có đăng ký hộ khẩu thường trú và vẫn đang thường xuyên sinh sống tại tổ dân phố Q, thị trấn M, huyện T, thành phố Hải Phòng. Toà án đã triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng anh Vũ Văn B vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty A. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là anh Vũ Văn B.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa Công ty A và anh Vũ Văn B là tranh chấp về hợp đồng dân sự và bị đơn là anh Vũ Văn B có nơi cư trú tại tổ dân phố Q, thị trấn M, huyện T, thành phố Hải Phòng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn: Nguyên đơn là Công ty A yêu cầu bị đơn là anh Vũ Văn B phải trả số tiền còn nợ là 33.238.496 đồng bao gồm số tiền nợ gốc là 23.585.920 đồng, số tiền nợ lãi trong hạn là 9.652.576 đồng và tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận trong Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20160119-500000-4302 ngày 21 tháng 01 năm 2016 đã ký giữa Công ty A và anh Vũ Văn B. Bị đơn là Vũ Văn B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng anh Vũ Văn B vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty Tài Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng. Xét giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20160119-500000-4302 ngày 21 tháng 01 năm 2016 ký giữa Công ty A và anh Vũ Văn B được giao kết trước ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật nhưng đang thực hiện, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015 cần áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết. Căn cứ vào đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy đăng ký kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 16 tháng 01 năm 2016, giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20160119-500000-4302 ngày 21 tháng 01 năm 2016, bảng lịch trình trả nợ, sao kê quá trình trả nợ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa đã có đủ căn cứ xác định ngày 21 tháng 01 năm 2016 anh Vũ Văn B có ký giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20160119-500000-4302 với Công ty A để vay số tiền 25.000.000 đồng, không có tài sản bảo đảm, mục đích sử dụng tiền vay là tiêu dùng, thời hạn cho vay là 36 tháng tính từ ngày 21 tháng 01 năm 2016, lãi suất cho vay là 35%/năm, phương thức cho vay là cho vay trả góp, mỗi tháng anh Vũ Văn B

phải trả cho Công ty A số là 1.131.000 đồng bao gồm tiền nợ gốc và tiền nợ lãi vào ngày 01 hàng tháng. Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20160119-500000-4302 ngày 21 tháng 01 năm 2016 được giao kết giữa anh Vũ Văn B và người đại diện hợp pháp của Công ty A là hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung phù hợp quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng và không trái đạo đức xã hội; hình thức phù hợp quy định tại Điều 119 của Bộ luật Dân sự năm 2015 do đó giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20160119-500000-4302 ngày 21 tháng 01 năm 2016 có hiệu lực từ thời điểm giao kết theo quy định Điều 401 của Bộ luật Dân sự năm 2015, các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đối với nhau theo nội dung đã thỏa thuận. Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ngày 22 tháng 01 năm 2016 Công ty A đã giải ngân đủ số tiền vay cho anh Vũ Văn B theo hình thức ghi nợ có vào tài khoản của anh Vũ Văn B mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng. Tính đến ngày 01 tháng 11 năm 2017 anh Vũ Văn B mới trả cho Công ty A số tiền là 4.524.000 đồng bao gồm tiền nợ gốc là 1.414.080 đồng, tiền nợ lãi là 3.109.920 đồng và còn nợ Công ty A số tiền là 33.238.496 đồng trong đó số tiền nợ gốc là 23.585.920 đồng và số tiền nợ lãi trong hạn là 9.652.576 đồng. Như vậy Công ty A đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình, còn anh Vũ Văn B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo nội dung đã thỏa thuận trong Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20160119-500000- 4302 ngày 21 tháng 01 năm 2016 đã ký với Công ty A từ ngày 01 tháng 7 năm 2016 cụ thể anh Vũ Văn B không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản tiền nợ gốc và tiền nợ lãi đến hạn theo bảng lịch trình trả nợ kèm theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng. Công ty A không yêu cầu anh Vũ Văn B phải trả khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 02 tháng 11 năm 2017 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm và không yêu cầu anh Vũ Văn B phải trả khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Công ty A không yêu cầu vợ anh Vũ Văn B là chị Dương Thị Thanh, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ dân phố Q, thị trấn M, huyện T, thành phố Hải Phòng phải liên đới trả số tiền nợ trên mà chỉ yêu cầu anh Vũ Văn B phải trả số tiền nợ trên cho Công ty A. Xét anh Vũ Văn B vay tiền của Công ty A mục đích để mua sắm dụng cụ gia đình nhưng vợ anh Vũ Văn B là chị Dương Thị Thanh không biết và không được sử dụng số tiền do anh Vũ Văn B vay của Công ty A, nay Công ty A không yêu cầu chị Dương Thị Thanh phải liên đới trả số tiền nợ trên. Vì vậy căn cứ vào Điều 117, Điều 119, Điều 280, Điều 282, Điều 401, Điều 463, Điều 466 và điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty A, buộc anh Vũ Văn B phải trả cho Công ty A số tiền nợ là 33.238.496 đồng bao gồm số tiền nợ gốc là 23.585.920 đồng, số tiền nợ lãi trong hạn là 9.652.576 đồng và tiền lãi của số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận trong

Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kể từ sau ngày Tòa án xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn là Công ty A được chấp nhận toàn bộ nên căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Vũ Văn B phải chịu 1.661.924 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Công ty A số tiền tạm ứng án phí 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008614 ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố Hải Phòng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 119, Điều 280, Điều 282, Điều 401, Điều 463, Điều 466 và điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty A, buộc anh Vũ Văn B phải trả cho Công ty A số tiền nợ là 33.238.496 đồng (Ba mươi ba triệu, hai trăm ba mươi tám nghìn, bốn trăm chín mươi sáu đồng) bao gồm số tiền nợ gốc là 23.585.920 đồng (Hai mươi ba triệu, năm trăm tám mươi lăm nghìn, chín trăm hai mươi đồng) và số tiền nợ lãi trong hạn là 9.652.576 đồng (Chín triệu, sáu trăm năm mươi hai nghìn, năm trăm bảy mươi sáu đồng).

Kể từ ngày 29 tháng 6 năm 2018 anh Vũ Văn B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận trong Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

2. Về án phí: Anh Vũ Văn B phải chịu 1.661.924 đồng (Một triệu sáu trăm sáu mươi một nghìn chín trăm hai mươi bốn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Công ty A số tiền tạm ứng án phí 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng) đã nộp

theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008614 ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố Hải Phòng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày (mười lăm ngày), kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày (mười lăm ngày), kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hiền

